

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Thuý Hà;
- Bà Ngô Thị Thu Huyền.

- **Thư ký phiên toà:** bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nông Mỹ T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** anh Hoàng Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Nông Mỹ T trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn H được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt: UBND) xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng tại thôn

N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến tháng 12 năm 2012 thì chị cùng con trai lớn chuyển về nhà ngoại tại thôn L, xã N, huyện C tỉnh Lạng Sơn sinh sống, do có mâu thuẫn con dâu mẹ chồng.

Đến tháng 12 năm 2013, chị xây một ngôi nhà cấp 04 tạm để ra ở riêng trên đất của ông bà ngoại; cùng năm, chồng chị có lên ở cùng mẹ con chị. Từ năm 2015 đến năm 2019, vợ chồng chị có đi vào tỉnh Đồng Nai để làm ăn. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do chồng chị thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, chơi cờ bạc, không tu trí làm ăn, còn đánh chị nhiều lần nhưng chị nhẫn nhịn tha thứ vì thương các con. Những lần bị anh Hoàng Văn H đánh đập chị đều không báo đến chính quyền địa phương do đang đi làm xa. Cuối năm 2019, vợ chồng chị trở về địa phương do mâu thuẫn nên chị đã định nộp đơn ly hôn đến Toà án nhưng do mọi người khuyên bảo và đang có dịch Covid 19 nên chị đã cho anh Hoàng Văn H một cơ hội để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Khoảng năm 2020, khi chị mang thai con thứ ba, anh Hoàng Văn H cho rằng không phải con của anh nên anh không nhận con; khi làm khai sinh chị đã để con lấy họ mẹ. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2020, chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay. Bản thân chị và gia đình bên ngoại cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn H vẫn không thay đổi. Nay vợ chồng ly thân nhưng vẫn sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng. Anh Hoàng Văn H cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ là không đúng vì anh sống ích kỷ, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, anh sợ khi ly hôn xong anh sẽ không có nơi để sinh sống nên không hợp tác đến Toà án để giải quyết. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Hoàng Sơn H1, sinh ngày 01-9-2012; cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 05-11-2015; cháu Nông Phú L, sinh ngày 15-11-2021. Lý do cháu Nông Phú L khai sinh họ mẹ là vì khi chị mang thai, anh Hoàng Văn H nghi ngờ chị ngoại tình, mang thai con của người khác nên đã không nhận con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Hoàng Văn H phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về điều kiện nuôi con: hiện chị đang bán quán cơm tại nhà, có thu nhập ổn định trung bình từ 15.000.000 đồng - 16.000.000 đồng/tháng. Về điều kiện nơi ở, gia đình chị hiện đã có nhà riêng xây nhờ trên đất của ông bà ngoại, ông bà ngoại đồng ý sau khi chị ly hôn xong sẽ sang tên cho chị thừa đất để sinh sống và bán hàng. Về điều kiện học tập: hiện cháu lớn Hoàng Sơn H1 đang học trường trung học cơ sở xã B cách nhà 01km, hằng ngày cháu vẫn khác đạp xe đến trường không cần ai phải đưa đón; cháu Hoàng Thị Thu B hiện đang học trường Tiểu học xã N cách nhà 01km; cháu Nông Phú L hiện đang học trường mầm non xã N cách nhà 01km; hằng ngày hai cháu nhỏ vẫn do bố, mẹ thay nhau đưa đón đi học. Chi phí học tập của 03 con từ trước đến nay đều do một mình chị đóng, anh Hoàng Văn H không có trách nhiệm gì đối với các con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: năm 2025, gia đình chị đã thoát hộ nghèo nên chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn đúng như chị Nông Mỹ T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống cùng bố mẹ anh tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng năm 2012-2013, vợ chồng anh chuyển về thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xây nhà trên đất của bố, mẹ vợ cho để sinh sống và kinh doanh quan com. Quá trình chung sống vợ, chồng có không có mâu thuẫn gì. Bản thân anh thường xuyên đi làm xa nhà, vợ anh ở nhà đã đi ngoại tình với người đàn ông khác, anh có đầy đủ bằng chứng, tuy nhiên đã bị vợ xóa đi hết. Anh vẫn còn tình cảm với chị N Mỹ Trinh nên đã khuyên bảo nhưng không được, anh cố gắng chung sống vì các con còn nhỏ. Nay chị Nông Mỹ T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Hoàng Sơn H1, sinh ngày 01-9-2012; cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 05-11-2015; cháu Nông Phú L, sinh ngày 15-11-2021. Trường hợp ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của chị N Mỹ Trinh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và anh không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung, do anh chưa có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, cháu Hoàng Sơn H1, cháu Hoàng Thị Thu B trình bày: đều có nguyện vọng mong muốn được ở cùng mẹ, để mẹ nuôi các cháu ăn học được tốt nhất.

Tại Đơn trình bày của bà Nông Thị T1 (mẹ đẻ chị Nông Mỹ T) cho biết: Sau khi kết hôn, chị Nông Mỹ T về nhà chồng sinh sống được 01 năm thì chuyển về nhà bà sinh sống do có mâu thuẫn với mẹ chồng. Năm 2013, vợ chồng bà cho con gái mượn mảnh đất để con xây nhà ra ở riêng, sau đó bà thấy con rẽ chuyển lên sống cùng. Từ năm 2015 đến năm 2019, cả gia đình con gái bà đi miền N làm ăn, đến cuối năm 2019 thì chuyển về. Khi về, con gái bà có nói chuyện vợ chồng có mâu thuẫn muốn ly hôn, gia đình cũng khuyên bảo không nên ly hôn vì các con còn nhỏ. Bà ở gần nên biết rõ anh Hoàng Văn H không tu trí làm ăn, chỉ mãi tụ tập bạn bè uống rượu, đánh bạc. Nay con gái bà mong muốn ly hôn, bà ủng hộ. Sau khi con gái ly hôn, vợ chồng bà sẽ chuyển nhượng thửa đất cho con gái và giúp đỡ con chăm sóc các cháu khi con gái bận bán hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Mỹ T, xử cho chị Nông Mỹ T ly hôn với anh Hoàng Văn H và chị Nông Mỹ T được quyền trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Chị Nông Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, các biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, ...

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: chị Nông Mỹ T và anh Hoàng Văn H có đăng ký kết hôn số 19, Quyền số 01, ngày 09-5-2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và có 03 con chung là cháu Hoàng Sơn H1, sinh ngày 01-9-2012; cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 05-11-2015; cháu Nông Phú L, sinh ngày 15-11-2021.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Mỹ T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Hoàng Văn H được biết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Mỹ T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn H cư trú tại thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Mỹ T và anh Hoàng Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Theo chị Nông Mỹ T, vợ chồng có mâu thuẫn trong thời gian dài do anh Hoàng Văn H thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, chơi cờ bạc, không tu trí làm ăn, nhiều lần mâu thuẫn, anh Hoàng Văn H còn đánh đập chị, vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay; còn anh Hoàng Văn H cho rằng chị N Mỹ Trinh ngoại tình với người đàn ông khác, anh vẫn còn tình cảm với chị Nông Mỹ T và anh cũng đồng ý ly hôn. Mặc dù hai bên trình bày chưa phù hợp về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên cả hai đều nhất trí ly hôn đã được thể hiện trong phần trình bày của hai bên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Việc anh Hoàng Văn H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Nông Mỹ T nhưng cả quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nhiều lần triệu tập anh Hoàng Văn H nhưng anh Hoàng Văn H đều vắng mặt và không có mặt tại phiên tòa để xét xử, cho thấy anh Hoàng Văn H không muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nông Mỹ T và anh Hoàng Văn H

đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Mỹ T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn H là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nông Mỹ T và anh Hoàng Văn H có 03 con chung là cháu Hoàng Sơn H1, sinh ngày 01-9-2012; cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 05-11-2015; cháu Nông Phú L, sinh ngày 15-11-2021. Xét thấy, chị Nông Mỹ T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung được anh Hoàng Văn H nhất trí, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung cháu Hoàng Sơn H1, Hoàng Thị Thu B. Mặt khác, chị Nông Mỹ T có đầy đủ các điều kiện về mức thu nhập, nơi ở, sinh hoạt của các con, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con sau ly hôn nên việc giao 03 con chung cho chị N Mỹ Trinh là phù hợp. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con, cho chị N Mỹ Trinh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Hoàng Mỹ T2 không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: chị Nông Mỹ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Mỹ T. Xử cho chị N Mỹ Trinh được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: chị Nông Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là cháu Hoàng Sơn H1, sinh ngày 01-9-2012; cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 05-11-2015; cháu Nông Phú L, sinh ngày 15-11-2021, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom 03 con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: chị Nông Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, đề nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 46 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền